

Số: /KH-UBND

*Bình Phước, ngày tháng năm 2022*

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia  
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025”**

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025,

Căn cứ kết quả cuộc họp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 30/5/2022 (Thông báo số 181/TB-UBND ngày 08/6/2022);

Căn cứ kết quả cuộc họp Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 ngày 08/6/2022 (Thông báo số 198/TB-UBND ngày 22/6/2022);

Theo đề nghị của Sở Lao động tại Tờ trình số 1100/TTr-SLĐTVXH ngày 13/6/2022; Báo cáo số 210/BC-SLĐTBXH ngày 27/7/2022;

UBND tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025” như sau:

**A. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2021**

**I. Kết quả thực hiện mục tiêu của Chương trình giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2021**

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 318/KH-UBND ngày 28/12/2016 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020.

Kết quả đầu giai đoạn (năm 2016) toàn tỉnh có 14.627 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 6,15% trên tổng số hộ dân. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh còn 3.568 hộ nghèo chiếm 1,34% trên tổng số hộ dân. Bình quân mỗi năm giảm được 2.211 hộ tương ứng giảm 0,96% đạt 168% bình quân kế hoạch giao hàng năm. Trong đó, hộ nghèo dân tộc thiểu số (DTTS) giảm từ 6.490 hộ xuống còn 1.297 hộ, bình quân mỗi năm giảm 1.038 hộ.

Việc đầu tư nguồn lực cho Chương trình giảm nghèo ngày càng tăng cao; năm 2016, tổng nguồn kinh phí thực hiện chỉ 16,6 tỷ (vốn trung ương 16,53 tỷ đồng, nguồn vận động 0,07 tỷ đồng). Đến năm 2020, nguồn vốn thực hiện là

113.42 tỷ đồng (tăng 683%), trong đó vốn Ngân sách Trung ương là 33,4 tỷ đồng; vốn địa phương là 80 tỷ đồng.

Năm 2021, tiếp tục áp dụng chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. Đến cuối năm 2021, toàn tỉnh còn 1.190 hộ nghèo, chiếm 0,43% trên tổng số hộ dân, đạt 125% so với chỉ tiêu được giao, trong đó có 516 hộ nghèo DTTS, chiếm tỷ lệ 1,13% trên tổng số hộ DTTS.

Đầu năm 2022, do việc thay đổi chuẩn nghèo tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, kết quả hộ nghèo sau rà soát tăng: toàn tỉnh có 4.870 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,76 %, trong đó hộ nghèo DTTS là 2.820 hộ, tỷ lệ hộ nghèo DTTS/tổng số hộ DTTS là 6,14%.

## **II. Đánh giá chung**

### **1. Mặt đạt được:**

Chương trình giảm nghèo đã nhận được sự tập trung lãnh đạo, tổ chức thực hiện, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Chương trình được sự quan tâm, ủng hộ ngày càng nhiều nguồn lực xã hội, qua đó đã sớm đưa các chính sách hỗ trợ, giúp hộ nghèo thoát nghèo hiệu quả. Kết quả thực hiện chương trình khẳng định tính ưu việt của chính sách an sinh xã hội tại tỉnh, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ổn định để phát triển kinh tế.

### **2. Hạn chế**

- Việc tổ chức thực hiện các dự án của Chương trình có lúc bị trùng lặp, tính chủ động phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương chưa cao.

- Việc phân bổ vốn còn chậm; việc quản lý hộ nghèo, cận nghèo chưa khoa học, thông tin, dữ liệu về nhu cầu hộ nghèo một số trường hợp chưa sát thực tế, mang tính chủ quan của người khảo sát.

- Hình thức hỗ trợ tạo việc làm chưa đa dạng, chủ yếu là hỗ trợ bò giống để chăn nuôi, nên có nguy cơ rủi ro. Mô hình giảm nghèo, dự án phát triển sản xuất chưa đa dạng, tính nhân rộng còn chưa đạt yêu cầu.

- Phương thức hỗ trợ hầu hết là hỗ trợ trực tiếp, không đối ứng (ngoại trừ hình thức vay vốn, mô hình giảm nghèo), điều này tạo tâm lý ỷ lại của đối tượng thụ hưởng; 100% hình thức tạo việc làm là việc làm phi chính thức (làm tại nhà, không hợp đồng lao động, không tham gia bảo hiểm xã hội); số lượng người nghèo có nhu cầu chuyển đổi nghề rất ít nên thu nhập không bền vững, chưa tạo được lưới an sinh trong công tác giảm nghèo.

- Việc phối hợp, lồng ghép hoạt động tín dụng chính sách với các chương trình, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm, chuyển giao khoa học, kỹ thuật chưa được quan tâm thực hiện một cách đồng bộ, nên hiệu quả sử dụng nguồn vốn chưa cao.

- Ý thức tự giác vươn lên thoát nghèo của người dân còn hạn chế, còn ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo.

## **B. Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025**

### **I. Căn cứ xây dựng Kế hoạch**

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội ngày 28/7/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025”;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020 Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025).

### **II. Bối cảnh xây dựng Kế hoạch**

Giai đoạn này, tỉnh Bình Phước áp dụng chuẩn nghèo mới theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (chuẩn nghèo tăng gấp đôi so với giai đoạn trước). Theo kết quả tổng rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn mới, toàn tỉnh có 4.870 hộ nghèo, chiếm 1,76% trên tổng số hộ dân, trong đó có 2.820 hộ nghèo DTTS; 1.343 hộ nghèo không có khả năng lao động.

#### **2. Thuận lợi**

- Công tác giảm nghèo được sự quan tâm, tập trung lãnh đạo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh. Giảm nghèo bền vững được xác định là một trong 13 Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021 - 2025 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đặc biệt, chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS từ nguồn ngân sách của tỉnh, được các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân hưởng ứng.

- Theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 7,25%, thu nhập bình quân đầu người ước đạt 67,3 triệu đồng, thu ngân sách tăng cao, khả năng huy động nguồn lực tốt cho công tác giảm nghèo.

- Sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, UBMTTQ Việt Nam tỉnh và sự ủng hộ của các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong công tác giảm nghèo.

### 3. Khó khăn

- Bình Phước có 03 huyện biên giới, đường biên giới dài 258,939 km, có 05 xã đặc biệt khó khăn, 25 thôn đặc biệt khó khăn, 03 xã thuộc vùng kinh tế - xã hội khó khăn. Tại các khu vực này, mật độ dân cư thưa, cơ sở hạ tầng còn hạn chế nên cần nguồn lực lớn để hỗ trợ.

- Do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, mọi mặt của đời sống xã hội đều bị tác động, gây khó khăn trong việc huy động nguồn lực để thực hiện chương trình.

### III. Mục tiêu

**1. Mục tiêu tổng quát:** Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; giảm dần khoảng cách giàu nghèo giữa các địa phương; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

#### 2. Mục tiêu cụ thể

- Bình quân mỗi năm giảm 2.000 đến 2.500 hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, trong đó giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo theo quy định, cụ thể:

- Thực hiện hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế cho 100% người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo, người dân sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người DTTS sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn;

- Đảm bảo nguồn vốn cho vay 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo đủ điều kiện, có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh;

- Hỗ trợ phát triển 22 mô hình giảm nghèo/năm (mỗi huyện ít nhất 02 mô hình) để đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm tốt, có thu nhập bền vững;

- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn;

- Phân đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất 1 thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững, tham gia bảo hiểm xã hội;

- Phân đầu 20% người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo đăng ký học nghề; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn và định hướng nghề nghiệp, được ưu tiên giới thiệu việc làm để có việc làm ổn định;

- Phân đầu 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ giảm nghèo ít nhất 02 lần trong cả giai đoạn.

### IV. Nội dung hoạt động

**1. Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (tỉnh Bình Phước không có huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo)**

**2. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

a) *Mục tiêu:* Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển các mô hình giảm nghèo, dự án giảm nghèo để tạo việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, thế mạnh của vùng, địa phương để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) *Đối tượng:*

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo.

c) *Nội dung:*

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

d) *Phân công thực hiện:*

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì thực hiện Dự án 2, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện theo quy định.

### 3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

#### a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- *Mục tiêu:* hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

- *Đối tượng:* Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

#### - *Nội dung:*

+ Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyên gia kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

+ Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

+ Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

#### - *Phân công thực hiện:*

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện Tiểu Dự án 1 và phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện theo quy định.

#### b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- *Mục tiêu:* Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- *Đối tượng:* Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

#### - *Nội dung hỗ trợ:*

+ Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo.

+ Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn cho học sinh con gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

#### - *Phân công thực hiện:*

Sở Y tế chủ trì thực hiện Tiểu Dự án 2, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện theo quy định.

#### **4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

##### *4.1. Các tiểu dự án thành phần*

##### *a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp*

- *Mục tiêu:* Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- *Đối tượng:*

+ Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp;

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan;

+ Các sở, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án

- *Nội dung hỗ trợ:* Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp; Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

*b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (tỉnh Bình Phước không có huyện nghèo)*

##### *c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*

- *Mục tiêu:* Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- *Đối tượng:*

+ Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

+ Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh.

+ Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

- *Nội dung hỗ trợ:*

+ Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu;

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc;

- + Hỗ trợ giao dịch việc làm;
- + Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác;
- + Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động;
- + Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

#### 4.2. Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì thực hiện Dự án 4, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện theo quy định.

**5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (tỉnh Bình Phước không có huyện nghèo)**

#### 6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

##### a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

###### - Mục tiêu:

+ Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin;

+ Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương;

+ Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững;

+ Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

###### - Đối tượng:

- + Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;
- + Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

###### - Nội dung hỗ trợ:

- + Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;
- + Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới;



+ Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

+ Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- *Phân công thực hiện:*

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì thực hiện tiêu Tiêu dự án 1 của Dự án 6; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện theo quy định.

*b) Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*

- *Mục tiêu:* Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- *Đối tượng:*

+ Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- *Nội dung:*

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch

vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

+ Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- *Phân công thực hiện:*

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì thực hiện Tiểu dự án 02 của Dự án 6, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện theo quy định.

## **7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình**

### *7.1. Các Tiểu dự án thành phần*

#### *a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*

- *Mục tiêu:* Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- *Đối tượng:*

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, ấp, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín...), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- *Nội dung:*

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

#### *b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*

- *Mục tiêu:* Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- *Đối tượng:*

+ Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- *Nội dung:*

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất;

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

*7.2. Phân công thực hiện:*

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì thực hiện Dự án 7, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện theo quy định.

**8. Các chính sách hỗ trợ:** Thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp trên, cụ thể:

*a) Chính sách tín dụng ưu đãi*

- Tăng cường sự phối hợp, cung cấp thông tin danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giữa Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã đảm bảo cho vay đúng đối tượng. Đồng thời, đơn giản về điều kiện, thủ tục hồ sơ để người nghèo dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn; nâng cao vai trò của cấp chính quyền cơ sở (cấp xã) trong phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay hướng dẫn hộ được vay sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đúng mục đích và công tác quản lý, thu hồi vốn vay...

- Dự kiến doanh số cho vay hộ nghèo giai đoạn 2022-2025 là: 180.000 triệu đồng.

- Dự kiến doanh số cho vay hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 là: 147.000 triệu đồng.

- Dự kiến doanh số cho vay hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022-2025 là: 270.000 triệu đồng.

*b) Hỗ trợ tiền điện*

Thực hiện đầy đủ chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo hướng dẫn của Trung ương.

*c) Hỗ trợ về y tế*

- Mua thẻ bảo hiểm y tế và cấp phát kịp thời cho 100% người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người DTTS sinh sống tại vùng khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Kịp thời cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng, tránh sai sót thông tin trên thẻ bảo hiểm y tế.

- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, củng cố mạng lưới y tế cơ sở, tăng cường đội ngũ y, bác sĩ, các trang thiết bị y tế về cơ sở.

#### *d) Hỗ trợ về giáo dục*

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của Hội đồng nhân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ học sinh người DTTS thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong giáo dục, các cấp cùng với các hội đoàn thể vận động, tạo điều kiện cho con em hộ nghèo đến trường.

#### *e) Hỗ trợ về nhà ở*

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để huy động nguồn lực thực hiện chương trình, tạo điều kiện để người dân ổn định cuộc sống, chăm lo sản xuất, tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo.

### **V. Kinh phí**

1. Tổng nguồn Kinh phí thực hiện Kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 bao gồm vốn ngân sách Trung ương, vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hàng năm, sau khi có Quyết định phân bổ vốn của Trung ương, UBND tỉnh sẽ phân khai kinh phí trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn (được quy định tại nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh) để các sở, ngành, địa phương có nguồn lực triển khai thực hiện.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hàng năm chủ động tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

### **VI. Phân công quản lý và Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Là cơ quan chủ trì, quản lý việc thực hiện kế hoạch; phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định.

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện các Dự án theo phân công và cả Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ hàng năm trước ngày 25/11 về UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

- Khi có văn bản hướng dẫn thực hiện các Dự án của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện cho các đơn vị liên quan.

- Hướng dẫn tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá cho các đơn vị thực hiện dự án; đồng thời chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu giám sát, đánh giá toàn tỉnh theo biểu mẫu báo cáo tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cập nhật thông tin trên Hệ thống quản lý chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo quy định.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Tổng hợp chỉ tiêu Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn thực hiện chương trình theo quy định.

**3. Sở Tài chính** tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý thực hiện Dự án theo tiến độ hàng năm, đồng thời thực hiện quyết toán theo quy định.

**4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện tiêu Dự án 1 thuộc Dự án 3 theo phân công và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo thời gian quy định tại chế độ thông tin, báo cáo của Kế hoạch này. Xây dựng Báo cáo giám sát 6 tháng, 01 năm (Mẫu số 01); báo cáo đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, kết thúc, hàng năm và đột xuất (Mẫu số 02) và tổng hợp số liệu báo cáo kết quả thực hiện theo biểu số 6 tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**5. Sở Y tế:** Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện tiêu Dự án 2 thuộc Dự án 3 và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo thời gian quy định tại chế độ thông tin, báo cáo của Kế hoạch này. Xây dựng Báo cáo giám sát 6 tháng, 01 năm (Mẫu số 01); báo cáo đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, kết thúc, hàng năm và đột xuất (Mẫu số 02) và tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả thực hiện theo biểu số 7 tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**6. Sở Thông tin và Truyền thông:** Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện tiêu Dự án 1 thuộc Dự án 6 và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo thời gian quy định tại chế độ thông tin, báo cáo của Kế hoạch này. Xây dựng Báo cáo giám sát 6 tháng, 01 năm (Mẫu số 01); báo cáo đầu kỳ, giữa kỳ, kết thúc, hàng năm và đột xuất (Mẫu số 02) và tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả

thực hiện theo biểu số 12 tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**7. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương thực hiện một số nội dung của Chương trình nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi, xóa mù chữ và tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo; hỗ trợ mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế cho người nghèo.

**8. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh** Chủ trì phối hợp với sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo.

**9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh** và các tổ chức thành viên theo chức năng, nhiệm vụ, giám sát việc thực hiện Chương trình tại các sở, ngành và địa phương theo quy định.

#### **10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ máy tham mưu, giúp việc các cấp thống nhất, đồng bộ theo quy định, thời gian hoàn thành trước ngày 25/8/2022, gửi văn bản về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm trước ngày 30/6/2022, Kế hoạch hàng năm trước ngày 30/12 của năm trước liền kề để triển khai thực hiện tại địa phương. Tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện theo quy định.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Chương trình.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát.

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá theo hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cập nhật thông tin trên Hệ thống quản lý chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo quy định.

#### **11. Chế độ thông tin báo cáo**

a. Đối với báo cáo giám sát 6 tháng (gửi trước ngày 20/5), 01 năm (trước ngày 15/11) thực hiện theo Mẫu 01 tại Thông tư 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b. Báo cáo đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, kết thúc, hàng năm và đột xuất theo Mẫu 02 tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trước ngày 15/11/2022, các sở, ngành, địa phương thực hiện Chương trình gửi báo cáo đánh giá đầu kỳ (năm 2022) về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trước ngày 15/8/2023, các sở, ngành, địa phương thực hiện Chương trình gửi báo cáo đánh giá giữa kỳ (giai đoạn 2021-2023) về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trước ngày 15/8/2025, các sở, ngành, địa phương thực hiện Chương trình gửi báo cáo đánh giá kết thúc (giai đoạn 2021-2025) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trước ngày 15/11 hàng năm, các sở, ngành và địa phương thực hiện Chương trình gửi báo cáo đánh giá hàng năm về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý các Dự án, tiểu Dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025” (dự kiến), căn cứ theo kế hoạch vốn hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh cụ thể, đúng quy định.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện, báo cáo kết quả theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- VPCP, Bộ LĐ-TB&XH;
- VPQGGN;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-35).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**

**BẢNG DỰ KIẾN KINH PHÍ**  
**THỰC HIỆN CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2025**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Dự án, hoạt động	Tổng cộng			Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			Huy động khác
		Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	Huy động khác	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	
<b>I</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ DỰ KIẾN 01 NĂM</b>										
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</b>	<b>0</b>			<b>0</b>			<b>0</b>			<b>0</b>
<b>2</b>	<b>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo</b>	<b>0</b>	<b>23.000</b>	<b>7.000</b>	<b>20.000</b>	<b>0</b>	<b>20.000</b>	<b>3.000</b>	<b>0</b>	<b>3.000</b>	<b>7.000</b>
<b>3</b>	<b>Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</b>	<b>0</b>	<b>14.000</b>	<b>1.000</b>	<b>13.000</b>	<b>0</b>	<b>13.000</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>
3.1	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	0	6.000	1.000	5.000	0	5.000	1.000	0	1.000	1.000
3.2	Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	0	8.000	0	8.000	0	8.000	0			0
<b>4</b>	<b>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm</b>	<b>5.000</b>	<b>10.550</b>	<b>0</b>	<b>13.000</b>	<b>3.500</b>	<b>9.500</b>	<b>2.550</b>	<b>1.500</b>	<b>1.050</b>	<b>0</b>



STT	Dự án, hoạt động	Tổng cộng			Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			Huy động khác
		Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	Huy động khác	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	
4.1	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	5.000	7.050	0	10.000	3.500	6.500	2.050	1.500	550	0
	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại huyện biên giới	5.000	2.200	0	5.700	3.500	2.200	1.500	1.500	0	
	Hoạt động 2: Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội tại vùng nghèo, vùng khó khăn	0	0	0	0	0	0	0	0		0
	Hoạt động 3: Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn	0	550	0	500	0	500	50	0	50	0
	Hoạt động 4: Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (xây dựng chương trình liên kết đào tạo)	0	1.000	0	800	0	800	200	0	200	0
	Hoạt động 5: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp	0	3.300	0	3.000	0	3.000	300	0	300	0

STT	Dự án, hoạt động	Tổng cộng			Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			Huy động khác
		Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	Huy động khác	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	
4.2	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.3	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	0	3.500	0	3.000	0	3.000	500	0	500	0
<b>5</b>	<b>Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			<b>0</b>			<b>0</b>
<b>6</b>	<b>Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</b>	<b>0</b>	<b>4.510</b>	<b>0</b>	<b>4.200</b>	<b>0</b>	<b>4.200</b>	<b>310</b>	<b>0</b>	<b>310</b>	<b>0</b>
6.1	Tiêu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	0	3.200	0	3.000	0	3.000	200		200	0
6.2	Tiêu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo	0	1.310	0	1.200	0	1.200	110		110	0
<b>7</b>	<b>Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình</b>	<b>0</b>	<b>3.300</b>	<b>0</b>	<b>3.000</b>	<b>0</b>	<b>3.000</b>	<b>300</b>	<b>0</b>	<b>300</b>	<b>0</b>
7.1	Tiêu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	0	1.100	0	1.000	0	1.000	100		100	0
7.2	Tiêu Dự án: Giám sát, đánh giá	0	2.200	0	2.000	0	2.000	200		200	0
<b>TỔNG CỘNG: KINH PHÍ DỰ KIẾN 1 NĂM</b>		<b>5.000</b>	<b>55.360</b>	<b>8.000</b>	<b>53.200</b>	<b>3.500</b>	<b>49.700</b>	<b>7.160</b>	<b>1.500</b>	<b>5.660</b>	<b>8.000</b>
<b>II</b>	<b>TỔNG GIAI ĐOẠN 2022-2025</b>	<b>20.000</b>	<b>221.440</b>	<b>32.000</b>	<b>212.800</b>	<b>14.000</b>	<b>198.800</b>	<b>28.640</b>	<b>6.000</b>	<b>22.640</b>	<b>32.000</b>